

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 21-3-2025

V/v tranh chấp về yêu cầu hủy bỏ
di chúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Châu Hồng Nga.

2/ Ông Đoàn Nam Lê Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 671/2024/TLST-DS ngày 07/10/2024 về việc “Tranh chấp về yêu cầu hủy bỏ di chúc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982; thường trú: Số A, Đường A, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Tấn T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ C, Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam hoặc ông Huỳnh Trung T2, sinh năm 2001; địa chỉ: Số A Cầu X, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cùng địa chỉ liên lạc: Số A Đường số A, TTHC D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/8/2024). Ông T2 có mặt.

- Bị đơn:

1/ Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số F đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2/ Bà Phạm Thị Kim T3, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Số B khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Ông Phạm Văn P, sinh năm 1965; địa chỉ: Số G, Đường số H, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4/ Bà Phạm Thị Kim T4, sinh năm 1971; địa chỉ: Số B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5/ Bà Phạm Thị Ngọc G, sinh năm 1975; địa chỉ: Số D khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6/ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số B, Đường số G, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

7/ Ông Phạm Thành L1, sinh năm 1998; địa chỉ: Số A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8/ Văn phòng C; địa chỉ: Số B, đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T trình bày:

Bà T là con ruột của ông Phạm Văn S (chết năm 2001) và bà Mai Thị H1 (chết năm 2017). Ông Phạm Văn S và bà Mai Thị H1 là vợ chồng. Ông Mai Văn S1 và bà Tạ Thị B là cha mẹ của bà Mai Thị H1, cả hai đều đã chết từ trước năm 1975, không có giấy chứng tử. Cha và mẹ của ông S đã chết từ lâu, bà T không biết họ tên. Ông Phạm Văn S và bà Mai Thị H1 có 10 người con chung gồm:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961.
2. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1965.
3. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1966.
4. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1969.
5. Bà Phạm Thị Kim T4, sinh năm 1971.
6. Bà Phạm Thị Kim T3, sinh năm 1972.
7. Bà Phạm Thị Ngọc G, sinh năm 1975.
8. Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1977 (đã chết năm 2010, có một người con là Phạm Thành L1).
9. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1978.
10. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982.

Khi còn sống ông Phạm Văn S và bà Mai Thị H1 tạo lập được các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 107m² thuộc thửa đất số 659, tờ bản đồ số: 03, địa chỉ: 49/21, khu phố D, xã Đ, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H360952, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 13 QSDĐ/CP1996 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sông Bé cấp ngày 21/11/1996; đăng ký biến động lần cuối ngày 02/12/2016. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 200,8m² (trong đó 100m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 2581, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 927502, sổ vào sổ cấp GCN: CS12372 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/12/2016.

Ngày 13/02/2017, bà Mai Thị H1 lập di chúc tại Văn phòng C, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung:

“Bà Mai Thị H1 là chủ sử dụng các quyền sử dụng đất sau:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 569; tờ bản đồ số: 03; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; diện tích 107m² NB (Một trăm linh bảy mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 360952, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 13/QSDĐ/CP1996 do UBND huyện T (nay là thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/10/1996, đăng ký biến động lần cuối ngày 02/12/2016.

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 2581, tờ bản đồ số: 10; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương; diện tích 200,8m² (Hai trăm phẩy tám mét vuông) trong đó có 100m² (một trăm mét vuông) đất ở và 100,8m² (Một trăm phẩy tám mét vuông) đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 927502, sổ vào sổ cấp GCN: CS12372 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/12/2016.

Nay bà Mai Thị H1 tự nguyện lập Di chúc này để định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên cho các con ruột của bà Mai Thị H1:

Sau khi bà Mai Thị H1 chết: bà Phạm Thị Thu H; sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Kim T3; sinh năm 1972 là những người đồng thừa kế các quyền sử dụng đất nêu trên..., ngoài ra bà H1 không để lại các quyền sử dụng đất nêu trên cho bất cứ ai khác.”

Bà T cho rằng việc bà H1 lập di chúc gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà và các đồng thừa kế khác nên yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ “Di chúc” do bà Mai Thị H1 lập có số công chứng: 000842, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C ngày 13/02/2017. Việc hủy di chúc không có lỗi của Văn phòng công chứng Trần Thanh V nên Văn phòng C không có nghĩa vụ bồi thường gì cả.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:* Bà H thống nhất toàn bộ lời khai của nguyên đơn về mối quan hệ nhân thân, về nguồn gốc tài sản, quá trình quản lý sử dụng tài sản đối với các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 107m² thuộc thửa đất số 659, tờ bản đồ số: 03, địa chỉ thửa đất: 49/21, khu phố D, xã Đ, huyện T, tỉnh

Sông Bé (nay là khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H360952, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 13 QSDĐ/CP1996 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sông Bé cấp ngày 21/11/1996; đăng ký biến động lần cuối ngày 02/12/2016. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 200,8m² (trong đó 100m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 2581, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 927502, số vào sổ cấp GCN: CS12372 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/12/2016.

Ngày 13/02/2017, bà Mai Thị H1 đến Văn phòng C lập Di chúc số công chứng 000842, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung di chúc thì *“Sau khi bà Mai Thị H1 chết: bà Phạm Thị Thu H; sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Kim T3; sinh năm 1972 là những người đồng thừa kế các quyền sử dụng đất nêu trên..., ngoài ra bà H1 không để lại các quyền sử dụng đất nêu trên cho bất cứ ai khác”*. Bà H là người được hưởng di sản theo di chúc của bà H1 nhưng bà xác định không nhận di sản theo di chúc nêu trên, việc bà không nhận di sản theo di chúc không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ tài chính đối với ai. Vì vậy, bà H hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T về việc tuyên hủy bỏ di chúc do bà Mai Thị H1 lập tại Văn phòng C có số công chứng 000842, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/02/2017. Việc bà H xác định việc hủy bỏ di chúc không có lỗi của Văn phòng công chứng Trần Thanh V nên Văn phòng C không có nghĩa vụ bồi thường gì cả.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Kim T3 trình bày:* Bà T3 thống nhất toàn bộ lời khai của nguyên đơn về mối quan hệ nhân thân, về nguồn gốc tài sản, quá trình quản lý sử dụng tài sản đối với các tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 107m² thuộc thửa đất số 659, tờ bản đồ số: 03, địa chỉ: 49/21, khu phố D, xã Đ, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành H360952, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 13 QSDĐ/CP1996 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sông Bé cấp ngày 21/11/1996; đăng ký biến động lần cuối ngày 02/12/2016. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 200,8m² (trong đó 100m² đất ở và 100,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 2581, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 927502, số vào sổ cấp GCN: CS12372 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/12/2016.

Ngày 13/02/2017, bà Mai Thị H1 đến Văn phòng C lập di chúc số công chứng 000842, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung di chúc thì *“Sau khi bà Mai Thị H1 chết: bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Kim T3, sinh năm 1972 là những người đồng thừa kế các quyền sử dụng đất nêu trên..., ngoài ra bà H1 không để lại các quyền sử dụng đất nêu trên cho bất cứ ai khác”*. Bà T3 là người được hưởng di sản theo di chúc của bà H1 nhưng bà xác

định không nhận phần di sản, việc bà không nhận di sản theo di chúc không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ tài chính đối với ai. Vì vậy, bà T3 hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T về việc tuyên hủy bỏ di chúc do bà Mai Thị H1 lập tại Văn phòng C có số công chứng 000842, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/02/2017. Việc bà T3 xác định việc hủy bỏ di chúc không có lỗi của Văn phòng công chứng Trần Thanh V nên Văn phòng C không có nghĩa vụ bồi thường gì cả.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Kim T4, bà Phạm Thị Ngọc G, bà Phạm Thị N, ông Phạm Thành L1 trình bày:* Thống nhất toàn bộ lời khai của nguyên đơn bà T, bị đơn bà H và bà T3 về mối quan hệ nhân thân, về nguồn gốc tài sản, quá trình quản lý sử dụng tài sản và di chúc của bà Mai Thị H1 đã lập tại Văn phòng C. Bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Kim T4, bà Phạm Thị Ngọc G, bà Phạm Thị N, ông Phạm Thành L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T về việc hủy bỏ di chúc do bà Mai Thị H1 lập tại Văn phòng C có số công chứng 000842, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/02/2017. Các ông bà đều xác định, việc hủy di chúc không có lỗi của Văn phòng công chứng Trần Thanh V nên Văn phòng C không có nghĩa vụ bồi thường gì cả.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C trình bày:* Văn phòng C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T với bị đơn bà Phạm Thị Thu H, bà Phạm Thị Kim T3. Văn phòng C có ý kiến như sau:

Ngày 13/02/2017, bà Phạm Thị Thu H (con đẻ bà Mai Thị H1) có đến Văn phòng Công chứng Trần Thanh V cung cấp hồ sơ về việc công chứng Di chúc của bà Mai Thị H1, sinh năm 1937, chứng minh nhân dân số 280103581, thường trú: Số A khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Do bà Mai Thị H1 già yếu, đi lại khó khăn nên bà Phạm Thị Thu H đã yêu cầu Văn phòng công chứng Trần Thanh V cử Công chứng viên đến tại địa chỉ số A khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương để chứng nhận việc lập di chúc của bà Mai Thị H1. Đối tượng của Di chúc này là quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 569, tờ bản đồ số: 03, địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích: 107m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H360952, số vào sổ cấp GCN: 13QSDD/CP1996 do UBND huyện T (nay là thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/10/1996, đăng ký biến động lần cuối ngày 02/12/2016 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 2581, tờ bản đồ số: 10, địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích: 200,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD927502, số vào sổ cấp GCN: CS12372 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/12/2016. Sau khi tiếp nhận hồ sơ bà Phạm Thị Thu H cung cấp, Công chứng viên Trần Thanh V đã kiểm tra hồ sơ pháp lý tài sản, giấy tờ nhân thân, soạn thảo di chúc và đến tại địa chỉ số A khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương để kiểm tra năng lực hành vi dân sự, tình trạng nhận thức cũng như xác nhận yêu cầu công chứng di chúc của bà Mai Thị H1 thì bà Mai Thị H1 đủ điều kiện để lập di chúc và nội dung di chúc đúng với ý chí của bà Mai Thị H1. Công chứng viên Trần

Thanh V đã giải thích cho bà Mai Thị H1 hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc lập di chúc này. Bà Mai Thị H1 đã tự đọc lại dự thảo di chúc, đã hiểu, đồng ý với nội dung di chúc và đã ký tên, điểm chỉ vào di chúc nên Công chứng viên đã chứng nhận Di chúc số công chứng: 000842, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/02/2017. Văn phòng C đã thực hiện đúng quy định pháp luật, trình tự, thủ tục khi công chứng Di chúc nêu trên. Liên quan đến yêu cầu theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thu T, Văn phòng C kính đề nghị Q tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Kim T4, bà Phạm Thị Ngọc G, bà Phạm Thị N đều có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn cung cấp thêm thông tin về việc bà Mai Thị H1 còn có một người con tên Phạm Văn H2, sinh năm 1977. Ông H2 đã chết năm 2010 (Giấy khai tử số 42/2010 ngày 01/6/2010) trước khi ông S, bà H1 chết. Ông H2 có một người con là ông Phạm Thành L1, sinh năm 1998. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xác định thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Phạm Thành L1, đồng thời ông L1 đã cung cấp lời khai và có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt ông L1.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Ngày 13/02/2017, bà Mai Thị H1 lập Di chúc tại Văn phòng C đối với các tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 569, tờ bản đồ số: 03, địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích: 107m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H360952, số vào sổ cấp GCN: 13QSDD/CP1996 do UBND huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương) cấp ngày 21/10/1996, đăng ký biến động lần cuối ngày 02/12/2016 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 2581, tờ bản đồ số: 10, địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, diện tích: 200,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD927502, số vào sổ cấp GCN: CS12372 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 08/12/2016. Di chúc của bà H1 được Văn phòng C chứng thực số công chứng 000842, quyền số 03-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/02/2017 theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Ngày 18/5/2017, bà H1 chết (Giấy khai tử số 57 ngày 19/5/2017) cho đến nay

chưa ai làm thủ tục khai nhận di sản. Bà T cho rằng việc bà H1 lập di chúc để lại di sản cho bà H và bà T3 làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà nên khởi kiện yêu cầu hủy bỏ di chúc của bà H1. Bị đơn không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án; đồng thời thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H và bà T3 là người được hưởng di sản theo di chúc nhưng đều xác định không nhận tài sản theo di chúc của bà H1, đồng thời xác định việc không nhận tài sản theo di chúc của các bà không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ tài chính với ai. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định việc hủy di chúc không có lỗi của Văn phòng công chứng Trần Thanh V nên Văn phòng C không có nghĩa vụ bồi thường gì cả. Xét thấy, sự thừa nhận của đương sự trong vụ án không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ di chúc do bà Mai Thị H1 lập ngày 13/02/2017 tại Văn phòng C, số công chứng: 000842, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H và bà Phạm Thị Kim T3 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 227, 228, 229, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 624, 626, 627, 628, 630, 631, 636, 643 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố hủy Di chúc do bà Mai Thị H1 lập tại Văn phòng C, số công chứng 000842, quyển số 03-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/02/2017.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Thu H và bà Phạm Thị Kim T3 phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Phạm Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001572 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân